

Số: 1706 /QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách thí sinh dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh bậc 3/6 (trình độ B1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1439/QĐ-ĐHKB ngày 28/11/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh Bắc về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1502/QĐ-ĐHKB ngày 04/12/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh Bắc về việc ban hành quy định chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ trình độ Đại học tại trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Trường Đại học Kinh Bắc;

Xét đề nghị của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 271 thí sinh đủ điều kiện dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh bậc 3/6 (trình độ B1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, TT NN-TH./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3/6 (TRÌNH ĐỘ B1) THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 1706/QĐ-ĐHKB ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh Bắc)

TT	Mã hồ sơ	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Mã SV	Ghi chú
1	704	Nguyễn Thị Mai Anh	07/07/1997	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010003	
2	723	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/02/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010004	
3	713	Vũ Đăng Ánh	12/09/1997	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH1	10D2010005	
4	731	Trịnh Mạnh Cường	28/05/1979	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH1	10D2010008	
5	728	Nguyễn Thị Dinh	17/02/1985	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010009	
6	719	Nguyễn Tiến Dũng	30/03/1993	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH1	10D2010010	
7	707	Trần Hải Đăng	17/11/1996	Đồng Nai	Nam	Kinh	10D.PH1	10D2010011	
8	676	Thân Thị Hạnh	23/08/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010013	
9	716	Nguyễn Thị Hằng	22/08/1985	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010014	
10	717	Nguyễn Thị Hiền	19/04/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010016	
11	721	Nguyễn Thị Hiền	28/08/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010015	
12	727	Trịnh Thị Thanh Hiền	27/07/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010019	
13	729	Đoàn Văn Hiếu	28/09/1996	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH1	10D2010017	
14	710	Tạ Huy Hoàng	04/09/1990	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH1	10D2010021	
15	714	Dương Thị Huệ	19/10/1983	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010022	
16	715	Nguyễn Thị Huệ	05/10/1996	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010024	
17	711	Lê Khánh Huyền	12/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010025	
18	724	Dương Thùy Hưng	05/10/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010026	
19	708	Nguyễn Thị Mai Hương	13/12/1996	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010028	
20	709	Nguyễn Thị Lan Hương	09/02/1993	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010027	
21	722	Nguyễn Thị Hường	20/11/1993	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010030	
22	730	Bùi Thị Ánh Hường	13/04/1987	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010029	
23	625	Đặng Thị Hà Phương	12/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010032	
24	657	Phạm Thị Hùy	02/04/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010034	
25	720	Vũ Long Khánh	02/09/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	10D.PH2	10D2010035	
26	654	Nguyễn Thị Lại	25/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010036	
27	653	Nguyễn Thị Mai Liên	29/06/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010037	
28	732	Hoàng Thị Linh	28/01/1997	Hải Dương	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010038	
29	705	Nguyễn Thanh Mai	04/07/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010044	
30	726	Nguyễn Thế Minh	18/05/1998	Thái Nguyên	Nam	Kinh	10D.PH2	10D2010045	
31	671	Phạm Thị Diệu Ninh	05/05/1988	Hải Dương	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010051	
32	623	Vũ Thị Ngân	26/03/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010047	
33	734	Hoàng Thị Ngọc	23/08/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010048	
34	675	Vũ Thị Oanh	15/05/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010052	
35	652	Nguyễn Đình Phan	05/08/1983	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH2	10D2010053	
36	672	Phạm Thị Quyên	20/09/1991	Hải Dương	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010056	
37	656	Nguyễn Thị Quỳnh	06/03/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010057	
38	733	Trần Thị Anh Sinh	10/10/1993	Nam Định	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010058	
39	677	Nguyễn Thị Tươi	02/10/1989	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010069	
40	673	Nguyễn Thị Thảo	08/10/1995	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010060	
41	674	Nguyễn Thị Thêm	05/03/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010061	
42	669	Nguyễn Thị Thủy	19/03/1993	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010064	
43	670	Lê Thị Thúy	06/11/1991	Hà Nam	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010062	
44	668	Nguyễn Thị Thu	25/11/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010065	

TT	Mã hồ sơ	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Mã SV	Ghi chú
45	655	Dương Thị Thu Trang	01/06/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010068	
46	736	Nguyễn Thị Phúc	03/01/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010054	
47	737	Lê Thị Nhung	20/01/1993	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010049	
48	631	Nguyễn Thị Lan Anh	16/03/1999	Hải Dương	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010134	
49	635	Nguyễn Ngọc Anh	19/11/1988	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010074	
50	725	Ngọc Đức Anh	21/01/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	10D.PH3	10D2010073	
51	637	Trần Văn Cồ	18/04/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	10D.PH3	10D2010076	
52	630	Lò Bích Diệp	12/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	10D.PH3	10D2010079	
53	628	Nguyễn Thị Thùy Dung	29/09/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010137	
54	665	Nguyễn Thị Thùy Dung	08/09/1997	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010155	
55	633	Dương Thị Dương	07/10/1991	Hải Dương	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010081	
56	662	Nguyễn Thị Đào	09/10/1982	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010082	
57	661	Trần Thảo Giang	11/07/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010084	
58	659	Hoàng Thị Ngọc Hà	08/01/1988	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010138	
59	632	Nguyễn Thị Hạnh	29/03/1972	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010088	
60	666	Phạm Thị Hằng	23/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010090	
61	644	Nguyễn Thị Hậu	15/08/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010139	
62	646	Đinh Thị Hiền	14/03/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010091	
63	639	Đào Thu Huyền	25/10/1983	Hung Yên	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010095	
64	626	Nguyễn Thị Khuyến	25/02/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010143	
65	629	Đỗ Thị Lan	05/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010144	
66	660	Dương Thị Ngọc Lan	23/07/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010098	
67	634	Trần Thị Len	12/02/1972	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010099	
68	642	Nguyễn Thị Liên	05/04/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010100	
69	663	Trần Thị Linh	17/11/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010130	
70	647	Đỗ Thị Luyến	18/09/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010101	
71	649	Lê Thị Hương Lý	19/12/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010102	
72	664	Nguyễn Thị Nga	26/07/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010107	
73	641	Trương Như Ngọc	05/08/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010108	
74	650	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	03/08/1982	Nghệ An	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010109	
75	651	Nguyễn Thị Phương	15/12/1995	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010110	
76	648	Nguyễn Thị Quế	06/09/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010112	
77	627	Nguyễn Nam Sơn	28/09/1995	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH3	10D2010147	
78	638	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/02/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010116	
79	645	Dương Thị Ngọc Tiến	07/06/1993	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010149	
80	658	Nguyễn Thị Tuyết	28/11/1986	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010119	
81	706	Vũ Thanh Thảo	13/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010152	
82	473	Nguy Phú Thiên	23/01/2003	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010121	
83	718	Nguyễn Thị Thương	27/03/1993	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010123	
84	667	Nguyễn Thị Trang	17/11/1997	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010131	
85	624	Nguyễn Thị Trính	06/10/1989	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010125	
86	640	Phan Thanh Vinh	24/04/1982	Hải Dương	Nam	Kinh	10D.PH3	10D2010126	
87	643	Nguyễn Thị Yên	02/10/1992	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010127	
88	636	Nguyễn Thị Quyên	05/04/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010113	
89	679	Phạm Lan Anh	20/09/2004	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	11D.CNTT01	11D4800044	
90	525	Mã Việt Bách	17/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	11D.CNTT01	11D4800035	
91	614	Lê Nam Doanh	06/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800019	
92	588	Nguyễn Đắc Định	25/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800001	
93	600	Nguyễn Xuân Đồng	09/01/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800039	
94	532	Chu Thị Minh Hạnh	05/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	11D.CNTT01	11D4800005	

TT	Mã hồ sơ	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Mã SV	Ghi chú
95	681	Ngô Văn Hiệp	13/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800004	
96	526	Lê Xuân Hoàng	29/02/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800203	
97	599	Trương Kim Hoàng	20/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800003	
98	589	Hà Văn Hùng	20/01/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800014	
99	613	Nguyễn Mạnh Hùng	27/03/2004	Quảng Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800009	
100	523	Nguyễn Quang Huỳnh	27/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800036	
101	682	Vì Quốc Khánh	19/08/2004	Sơn La	Nam	Thái	11D.CNTT01	11D4800016	
102	593	Bàn Đức Lượng	05/03/2004	Sơn La	Nam	Dao	11D.CNTT01	11D4800007	
103	610	Nguyễn Đăng Mạnh	24/02/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800030	
104	615	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	08/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800024	
105	609	Nguyễn Phương Nam	23/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800040	
106	598	Nguyễn Đình An Nguyên	01/05/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800028	
107	530	Trần Minh Nguyệt	05/04/2001	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.CNTT01	11D4800043	
108	531	Lê Thị Ngọc Oanh	19/04/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.CNTT01	11D4800043	
109	703	Phạm Công Phú	25/01/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800042	
110	684	Nguyễn Thị Thu Phương	25/02/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.CNTT01	11D4800022	
111	528	Hoàng Hồng Quang	26/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800049	
112	607	Nguyễn Thanh Tùng	12/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800012	
113	595	Nguyễn Văn Tuyên	14/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800023	
114	569	Lò Thiên Tường	27/03/2004	Sơn La	Nam	Thái	11D.CNTT01	11D4800006	
115	524	Hà Văn Trà	30/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800011	
116	480	Nguyễn Kiên Trung	16/10/2004	Hòa Bình	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800021	
117	594	Lê Anh Việt	19/12/2004	Sơn La	Nam	Kinh	11D.CNTT01	11D4800008	
118	686	Giàng Mí Xay	13/06/2004	Hà Giang	Nam	Hmông	11D.CNTT01	11D4800045	
119	685	Lương Thị Lệ Yên	10/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	11D.CNTT01	11D4800034	
120	498	Trần Văn Anh	25/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800053	
121	575	Trần Đức Anh	14/09/2004	Sơn La	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800054	
122	617	Hù Tuấn Anh	30/12/2004	Lai Châu	Nam	Thái	11D.CNTT02	11D4800055	
123	576	Nguyễn Thị Kim Chi	12/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.CNTT02	11D4800057	
124	602	Ngô Văn Duy	14/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800064	
125	701	Vũ Trường Giang	31/01/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800204	
126	469	Hoàng Thị Hậu	11/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	11D.CNTT02	11D4800067	
127	603	Trần Văn Hiếu	22/01/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800069	
128	573	Đào Ngọc Hoàn	24/08/2004	Phú Thọ	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800070	
129	683	Hoàng Việt Hùng	26/12/2004	Hải Dương	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800071	
130	700	Tạ Văn Hùng	15/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800072	
131	678	Nguyễn Văn Hường	08/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800073	
132	604	Nguyễn Quang Khải	13/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800074	
133	608	Lương Trọng Khôi	04/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	11D.CNTT02	11D4800075	
134	586	Trần Hào Nam	14/01/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800078	
135	616	Hà Hồng Quân	01/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	11D.CNTT02	11D4800083	
136	578	Vũ Văn Quyền	27/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800085	
137	572	Nguyễn Minh Tiến	20/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800200	
138	472	Nguyễn Văn Toàn	11/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800091	
139	527	Trần Minh Thắng	01/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800087	
140	621	Nguyễn Văn Thắng	01/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800086	
141	580	Vì Đức Thiệp	21/07/2004	Sơn La	Nam	Thái	11D.CNTT02	11D4800088	
142	601	Nguyễn Thị Thảo Vân	24/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.CNTT02	11D4800099	
143	574	Đỗ Hoàng Vũ	11/06/2004	Tuyên Quang	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800100	
144	605	Hoàng Văn Xuân	03/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	11D.CNTT02	11D4800101	

TT	Mã hồ sơ	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Mã SV	Ghi chú
145	529	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	09/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.CNTT03	11D4800108	
146	585	Nguyễn Quốc Cường	20/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	11D.CNTT03	11D4800111	
147	516	Trình Văn Chính	21/03/2004	Bắc Kạn	Nam	Tày	11D.CNTT03	11D4800110	
148	517	Tô Trần Tất Đạt	19/01/2004	Quảng Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT03	11D4800113	
149	587	Đàm Sĩ Điệp	19/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	11D.CNTT03	11D4800114	
150	584	Nguyễn Tài Huy	31/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT03	11D4800125	
151	591	Bùi Thu Hương	13/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.CNTT03	11D4800123	
152	518	Nguyễn Trung Kiên	08/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT03	11D4800128	
153	596	Bùi Quang Khải	20/07/2004	Thanh Hóa	Nam	Mường	11D.CNTT03	11D4800126	
154	590	Hoàng Thị Thu Phương	01/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.CNTT03	11D4800134	
155	577	Trần Vinh Quang	08/01/2004	Thái Bình	Nam	Kinh	11D.CNTT03	11D4800137	
156	515	Lý Bảo Quốc	19/10/2004	Lai Châu	Nam	Giáy	11D.CNTT03	11D4800138	
157	592	Nguyễn Văn Sinh	25/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT03	11D4800139	
158	583	Nguyễn Minh Tiến	04/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT03	11D4800143	
159	514	Lâm Anh Tú	04/03/2003	Bắc Kạn	Nam	Tày	11D.CNTT03	11D4800146	
160	597	Ninh Duy Tuấn	31/03/2004	Nam Định	Nam	Kinh	11D.CNTT03	11D4800147	
161	513	Nguyễn Thị Thuý	14/04/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	11D.CNTT03	11D4800142	
162	512	Dương Thị Thu Uyên	13/01/2004	Phú Thọ	Nữ	Kinh	11D.CNTT03	11D4800148	
163	606	Nguyễn Thị Hải Yến	26/11/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	11D.CNTT03	11D4800151	
164	579	Vũ Đình Duy	20/04/2004	Hải Dương	Nam	Kinh	11D.CNTT04	11D4800160	
165	712	Nguyễn Trọng Đức	26/07/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.CNTT04	11D4800156	
166	509	Phạm Thị Linh	05/09/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.CNTT04	11D4800172	
167	483	Vũ Thị Hương Ly	20/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.CNTT04	11D4800176	
168	482	Bùi Đức Mạnh	11/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	11D.CNTT04	11D4800178	
169	471	Vũ Thị Mai Trang Niê	21/12/2004	Đắk Lắk	Nữ	Mnông	11D.CNTT04	11D4800179	
170	582	Lưu Thu Phương	20/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	11D.CNTT04	11D4800182	
171	581	Lã Mai Trung Tuấn	22/09/2004	Thái Bình	Nam	Kinh	11D.CNTT04	11D4800194	
172	612	Ly Mí Vàng	06/07/2004	Hà Giang	Nam	Mông	11D.CNTT04	11D4800197	
173	611	Bùi Duy Văn	12/12/2004	Hoà Bình	Nam	Mường	11D.CNTT04	11D4800195	
174	702	Đỗ Văn Anh	07/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030041	
175	485	Lục Thị Phương Châm	18/08/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030044	
176	543	Nguyễn Toàn Được	23/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.DLKS	11D1030050	
177	571	Nguyễn Thị Hải	02/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030051	
178	486	Phạm Hồng Hạnh	31/08/2004	Hòa Bình	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030008	
179	484	Nguyễn Thị Hằng	06/10/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030007	
180	541	Lê Thuý Hằng	24/07/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030052	
181	546	Trịnh Thị Ngọc Huyền	04/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030055	
182	690	Phạm Thị Huyền	18/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030016	
183	692	Nguyễn Thùy Linh	27/02/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030076	
184	691	Bùi Thị Cẩm Ly	15/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030061	
185	539	Vũ Thị Thuý Nga	10/11/2002	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030062	
186	542	Nguyễn Thị Nguyệt	30/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030063	
187	544	Nguyễn Thị Kim Tuyền	10/05/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030033	
188	693	Lãnh Đình Tường	18/06/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	11D.DLKS	11D1030032	
189	547	Ngân Xuân Thanh	01/04/2004	Hoà Bình	Nam	Thái	11D.DLKS	11D1030069	
190	545	Phạm Văn Thắng	20/08/2004	Hải Phòng	Nam	Kinh	11D.DLKS	11D1030027	
191	478	Nguyễn Thanh Trà	14/07/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030030	
192	479	Phan Thanh Trang	05/02/2004	Hà Nam	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030031	
193	689	Nguyễn Thị Hà Vy	31/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030075	
194	735	Nguyễn Đức Dương	10/12/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.DLKS	11D1030006	

TT	Mã hồ sơ	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Mã SV	Ghi chú
195	738	Dương Phương Uyên	15/12/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030072	
196	540	Lèo Thị Huyền	28/08/2004	Sơn La	Nữ	Thái	11D.DLLH	11D1030015	
197	554	Vũ Thuý Hương	27/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.DLLH	11D1030056	
198	553	Phan Văn Kiên	14/09/2004	Thanh Hóa	Nam	Kinh	11D.DLLH	11D1030017	
199	548	Nguyễn Nam Khánh	24/08/2004	Hà Nam	Nam	Kinh	11D.DLLH	11D1030057	
200	555	Giàng Mí Lầu	09/09/2004	Hà Giang	Nam	Mông	11D.DLLH	11D1030018	
201	620	Nguyễn Thị Ngọc Linh	15/07/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLLH	11D1030019	
202	552	Nguyễn Văn Núi	08/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	11D.DLLH	11D1030024	
203	551	Bùi Hoàng Vũ	26/01/2004	Hoà Bình	Nam	Mường	11D.DLLH	11D1030074	
204	537	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010002	
205	550	Bùi Thanh Bình	30/11/2004	Sơn La	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010005	
206	496	Phạm Thị Ánh Dương	04/08/2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010007	
207	508	Trương Thị Gấm	30/07/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010008	
208	493	Nguyễn Thị Thùy Giang	30/05/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010009	
209	522	Hoàng Thị Hồng Hạnh	03/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	11D.KT01	11D3010012	
210	557	Nguyễn Thị Huệ	17/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010016	
211	477	Lưu Bùi Hương Lan	18/12/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010024	
212	476	Nguyễn Thị Thu Loan	19/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010026	
213	538	Trần Huệ Mẫn	16/08/2004	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	11D.KT01	11D3010030	
214	492	Dương Thị Minh	02/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010032	
215	549	Nguyễn Thị Như Ngọc	24/10/2004	Đồng Nai	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010033	
216	495	Lê Thị Minh Phượng	01/08/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010038	
217	521	Trần Văn Tiến	28/07/1995	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.KT01	11D3010040	
218	497	Trần Ngọc Tĩnh	25/01/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010041	
219	507	Trương Thị Lan Anh	10/10/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010050	
220	533	Đinh Ngọc Ánh	21/04/2004	Nam Định	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010051	
221	568	Hà Nguyễn Như Bình	21/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010052	
222	519	Lê Khánh Chi	15/12/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010053	
223	502	Nguyễn Ngọc Diệp	28/04/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010054	
224	534	Hồ Thị Dung	04/10/2004	Điện Biên	Nữ	Mông	11D.KT02	11D3010055	
225	504	Nhạc Thị Duyên	08/09/2004	Phú Thọ	Nữ	Mường	11D.KT02	11D3010058	
226	565	Nguyễn Thị Duyên	04/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010057	
227	536	Nguyễn Đan	10/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010060	
228	560	Vũ Quỳnh Gấm	15/03/2004	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010062	
229	558	Đặng Thị Hào	08/05/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010064	
230	698	Nguyễn Thị Hằng	14/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010066	
231	570	Ngô Thị Hồng	01/07/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010069	
232	520	Lê Thị Thu Huệ	19/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010070	
233	490	Nguyễn Thị Huyền	03/12/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010072	
234	506	Phan Thị Thu Huyền	13/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010074	
235	566	Nguyễn Thị Thương Huyền	13/12/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010073	
236	500	Lâm Đức Kiều	13/08/2004	Tuyên Quang	Nam	Ngái	11D.KT02	11D3010076	
237	561	Thân Thị Khánh Linh	02/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010079	
238	567	Lê Thị Thảo Lương	23/11/2004	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010080	
239	699	Nguyễn Thị Cẩm Ly	21/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010081	
240	694	Hoàng Thị Mai	18/05/2004	Tuyên Quang	Nữ	Tày	11D.KT02	11D3010082	
241	505	Nguyễn Thị Thúy Nga	15/01/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010084	
242	562	Nguyễn Thị Nga	22/05/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010083	
243	501	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	19/02/2001	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010087	
244	510	Chu Bích Ngọc	23/05/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010085	

TT	Mã hồ sơ	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Mã SV	Ghi chú
245	559	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010086	
246	494	Trần Thị Hồng Nhung	06/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010089	
247	695	Nguyễn Hồng Nhung	10/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010088	
248	564	Nguyễn Kim Oanh	05/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010090	
249	535	Nguyễn Thị Phương	01/12/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010092	
250	499	Nguyễn Thị Quyên	03/05/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010100	
251	511	Đinh Phương Thảo	20/03/2004	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010094	
252	696	Hoàng Thị Trang	21/11/2003	Thái Bình	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010095	
253	697	Nguyễn Thị Kiều Trang	23/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010097	
254	503	Chu Tô Trần	06/04/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010098	
255	556	Nguyễn Quốc Vũ	12/04/2004	Kiên Giang	Nam	Kinh	11D.QTKD01	11D1010060	
256	481	Phạm Thị Chúc	19/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.QTKD02	11D1010148	
257	563	Nguyễn Thị Thơm	15/03/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	11D.QTKD02	11D1010146	
258	622	Hà Thị Mỹ Lệ	18/04/2001	Nghệ An	Nữ	Thái	12D.KT	12D3010032	
259	688	Nguyễn Thị Thúy Ngân	02/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	12D.KT	12D3010044	
260	687	Nguyễn Thị Phương	16/07/2005	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	12D.KT	12D3010051	
261	680	Lục Thị Thơm	01/01/2005	Yên Bái	Nữ	Tày	12D.KT	12D3010061	
262	468	Giàng Thị Quyết	10/08/2005	Lai Châu	Nữ	Mông	12D.QTKD	12D1010044	
263	470	Nguyễn Minh Chúc	07/09/1992	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10LC.CNTT01	10LC4800001	
264	475	Nguyễn Thế Trọng	09/06/2001	Bắc Ninh	Nam	Kinh	12LĐ.CNTT01	12LĐ4800005	
265	487	Đinh Thị Khuyên	22/11/1993	Nghệ An	Nữ	Kinh	11LĐ.KT	11LĐ3010001	
266	488	Trần Thị Minh Nguyệt	23/05/1992	Hải Phòng	Nữ	Kinh	12LĐ.KT	12LĐ3010001	
267	489	Trần Thị Quyên	08/04/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	12H.KT	12H3010003	
268	491	Đỗ Quốc Trung	22/09/1994	Hà Nội	Nam	Kinh	09H.CNTT	09H4800012	
269	618	Hoàng Ngọc Mai	22/07/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	11H.KT	11H3010004	
270	619	Nguyễn Văn Thư	27/07/2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	08D.KS	08D1030165	
271	739	Phu Ta Xá	07/05/1998	Lào Cai	Nam	Hà Nhi	08D.DLLH01	08D1030219	

Danh sách gồm có 271 sinh viên./.